

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mộc

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 36A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 753/TB-TA ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

I/. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp H, xã L B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 509, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị P có mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày: Vào năm 1997 chị P và anh Nguyễn Thanh S quen biết nhau qua mai mối, được gia đình hai bên chấp thuận, chị P và anh S bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức cưới nhưng đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn số 174, Quyền số I/2002 ngày 06/11/2002. Vợ chồng chung sống với được 18 năm cũng có vài lần phát sinh mâu thuẫn do anh S nhậu say về có hành vi bạo lực với chị, chị đã từng mời bên gia đình chồng đến thông báo sự việc, nhưng do nghĩ vì con nên cho anh S thêm cơ hội sửa đổi. Đến năm 2015 thì giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh S làm không đưa tiền chăm lo cho gia đình, anh chị chung sống nhưng sinh hoạt riêng, anh thường chửi mắng và đánh chị dẫn đến gia đình mất hạnh phúc, dù rằng giữa hai vợ chồng cũng được sự khuyên bảo của gia đình nhưng anh S vẫn không thay đổi. Từ năm 2015 anh, chị đã ly thân đến nay, trong suốt thời gian ly thân anh S không đến thăm chị về đoàn tụ mà còn thường gọi điện hăm dọa giết cả cha mẹ của chị Phương. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P quyết định xin ly hôn với chồng là anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/9/1998 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 07/9/2003. Do con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung Nguyễn Thanh Đ hiện đang sống với anh S, chị P đồng ý giao con chung Nguyễn Thanh Đ cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, vào ngày 11/10/2018 Tòa án đến tận nhà tiếp xúc ghi lời khai nhưng ông S không đồng ý cung cấp lời khai. Sau đó Tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/11/2018, ngày 16/02/2019 và ngày 04/3/2019 nhưng ông Sang vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa hôm nay, anh S đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần 1, lần 2, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh S vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh S vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh S. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần 1, lần 2, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích P với anh Nguyễn Thanh S chung sống như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số

174/2002 ngày 06/11/2002, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S sống không quan tâm vợ con, mâu thuẫn kéo dài đến khoảng năm 2015 thì trở nên trầm trọng nên chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh S. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị P với anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị P với anh S sống ly thân nhau đến nay đã hơn 04 năm nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị P xin ly hôn với anh S là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị ly hôn với anh S.

Riêng anh S từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tổng đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập anh S đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh S không đến Tòa để ghi lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên Tòa, nhưng ông Sang vẫn không có mặt, thể hiện ông Sang không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của chị Phương tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phương đối với ông Nguyễn Thanh S.

3. Về con chung:

Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/9/1998 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 07/9/2003. Do con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung Nguyễn Thanh Đ hiện đang sống với anh S, chị P đồng ý giao con chung Nguyễn Thanh Đ cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc cháu Đ có bản tự khai trình bày nguyện vọng được sống cùng với anh S nếu như anh, chị ly hôn. Căn cứ vào điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Thanh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích P ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2/. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 07/9/2003 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/9/1998 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung* : Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích P phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

03278 ngày 03/8/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị P đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án._(P)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong